

Số: 22/2023/QĐST-DS

TT, ngày 20 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 181/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời gian 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*\*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP KTVN

Địa chỉ: Số 191 phố BT, phường LĐH, quận HBT, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Giám đốc xử lý nợ theo văn bản ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017 của chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Đỗ Ngọc Đ - Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP KTVN (văn bản ủy quyền số 768-03/2022/UQ-TCB ngày 29/10/2022).

*\* Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, TP Hà Nội.

Bà Ph ủy quyền tham gia tố tụng cho ông C (theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2022).

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1946; ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982; bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984; chị Nguyễn Trà M, sinh năm 2003.

Ông H, anh H1, bà Th và chị M ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Văn C (văn bản ủy quyền ngày 13/02/2023).

- Cháu Nguyễn Khánh Ph1, sinh năm 2007; cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 2012.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Ph1 và cháu Q: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Ph (là bố mẹ đẻ).

- Cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 2005; cháu Nguyễn Văn Duy A1, sinh năm 2009.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Tr và cháu A1: Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị Th (là bố mẹ đẻ).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, TP Hà Nội.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Ngân hàng TMCP KTVN (KTVN) và ông Nguyễn Văn C (ông C nhận ủy quyền tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị Ph và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) thống nhất thỏa thuận:

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ph xác nhận nợ và chịu trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng KTVN số tiền tính đến ngày **04/3/2023** là:

- Đối với khoản nợ hợp đồng tín dụng: Nợ gốc là 846.940.329 đồng; Nợ lãi trong hạn là 548.906.448 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.112.837.324 đồng, tổng: 2.508.684.101đ (*Hai tỷ năm trăm linh tám triệu sáu trăm tám tư nghìn một trăm linh một đồng*).

- Đối với khoản nợ thẻ: Nợ gốc là 39.068.780 đồng; nợ lãi là 287.961.733 đồng, tổng: 327.030.513đ (*Ba trăm hai bảy triệu không trăm ba mươi nghìn năm trăm mười ba đồng*).

Tổng cộng cả hai khoản là 2.835.714.614 đ (*Hai tỷ tám trăm ba lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn sáu trăm mười bốn đồng*).

2.2. Về lãi suất: Kể từ ngày 05/3/2023, ông C, bà Ph còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 41368/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 29/01/2011, khế ước nhận nợ số 41368 ngày 29/01/2011 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 19/9/2012 đã ký kết, đến ngày ông C, bà Ph thực trả hết nợ cho KTVN.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà ông C, bà Ph phải chịu theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng KTVN.

2.3. Kể từ khi ông C, bà Ph thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì KTVN phải giải chấp tài sản thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AH 809291**, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: H.00614/QSDĐ/1842/QĐ-UB do UBND huyện TT, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 04/10/2007 cho ông Nguyễn Văn H.

2.4. Sau khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật nếu ông C, bà Ph không chịu thanh toán hoặc thanh toán không đủ số

tiền trên thì KTVN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất cùng các tài sản trên đất, các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 336, tờ bản đồ số 7, diện tích 203,1 m<sup>2</sup>, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, tỉnh Hà Tây (cũ), nay là thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AH 809291**, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: H.00614/QSDĐ/1842/QĐ-UB do UBND huyện TT, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 04/10/2007 cho Ông Nguyễn Văn H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 606.2011/HĐTC-TCB ngày 27/01/2011 tại Văn phòng công chứng số TL, thành phố Hà Nội, để thu hồi khoản nợ.

Sau khi phát mại tài sản mà không đủ trả nợ cho khoản vay thì ông C, bà Ph vẫn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả nợ cho KTVN đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký với KTVN.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Ph tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 44.357.000 đ (*Bốn mươi bốn triệu ba trăm năm bảy nghìn đồng*). Xét ông C, bà Ph có đơn xin miễn, giảm án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã HB ngày 17/3/2023 nên miễn một nửa án phí cho ông C, bà Ph. Ông C, bà Ph còn phải chịu 22.178.000 đ (*Hai mươi hai triệu một trăm bảy tám nghìn đồng*).

Hoàn trả KTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 37.867.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2020/0025760 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân;  
Huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hồng Thiết**

